TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 10/2024/DS-ST Ngày 31-01-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nguyên
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thúy Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Bắc
- *Thư ký phiên tòa*: Phan Thị Thy Thy – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-DS ngày 12/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Châu N, sinh năm 1978. Địa chỉ: 8 N, Tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Xuân T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Hẻm A N, làng P, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Châu N *trình bày:*

Bà Phạm Thị Châu N và bà Võ Thị Xuân T có quen biết với nhau từ năm 2008. Từ năm 2018, bà N nhiều lần cho bà T vay tiền để làm ăn. Việc vay tiền các bên có lần viết giấy mượn tiền và cũng có một số lần thì các bên không lấp giấy mượn tiền. Việc chuyển tiền vay được thực hiện trực tiếp hoặc chuyển khoản thông qua số tài khoản ngân hàng của bà N và bà T. Việc trả tiền của bà T có lần trả bằng tiền mặt hoặc có lần trả bằng chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Các lần chuyển tiền và trả tiền được các bên trao đổi qua điện thoại và tin nhắn Z.

Hiện bà T còn nợ các khoản vay chưa trả tổng cộng là 175.000.000 đồng gồm:

- Ngày 11/04/2021, bà T vay 105.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng, viết giấy vay tiền đề ngày 11/4/2021.

- Ngày 24/9/2021, bà T vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 24/01/2022, viết giấy vay tiền đề ngày 24/9/2021 (giấy viết tay).

- Ngày 01/11/2021, bà T vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 01/01/2022, viết giấy vay tiền đề ngày 01/11/2021 (giấy viết tay).

- Ngày 14/4/2023, bà T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, ngày trả là ngày 24/4/2023, viết giấy vay tiền đề ngày 14/4/2023.

Bà N nghĩ tạo điều kiện làm ăn cho bà T làm để có tiền trả nợ nên bà N đã đồng ý cho vay và cho bà N chậm trả nợ của các khoản vay trên. Tuy nhiên đến nay, bà N đã rất nhiều lần xuống nhà gặp bà T và yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T luôn cố tình né tránh và không muốn trả nợ.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà T trả số tiền còn nợ tổng cộng là 175.000.000 đồng.

- Về tiền lãi: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N thừa nhận ngày 25/5/2022 bà T đã chuyển khoản trả cho bà N với số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này là bà T trả cho khoản vay 230.000.000 đồng vay ngày 23/5/2022. Đến ngày 25/5/2022, bà T chuyển khoản trả 100.000.000 đồng và ngày 26/5/2022, bà T chuyển khoản trả 100.000.000 đồng; số tiền còn lại bà T cũng đã chuyển khoản trả hết. Khoản vay này bà N giao tiền mặt và các bên có viết giấy vay tiền. Do bà T đã trả tiền nên bà N đã hủy giấy vay này nên không còn lưu giữ tài liệu này.

Đối các khoản vay của bà T, các bên đều có thỏa thuận lãi suất và bà T có trả tiền lãi của các khoản vay. Do nhiều khoản vay nên bà N không xác định cụ thể tiền lãi của các khoản vay được nên chỉ yêu cầu bà T trả lại tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa, bà N thừa nhận có nhận tiền chuyển khoản của bà T theo các tài liệu có nội dung hình ảnh về việc chuyển khoản thành công cho bà N ngày 03/3/2023 số tiền 7.900.000 đồng, ngày 15/3/2023 số tiền 2.040.000 đồng và ngày 24/3/2023. Bà N xác nhận đây là tiền trả nợ gốc và tiền lãi vay của các khoản vay.

Ngoài ra, tại phiên tòa bà N cung cấp 09 (Chín) Bản gốc các tài liệu là giấy vay tiền giữa bà N và bà T đã xác lập với nhau và đã trả tiền vay gồm: Giấy cho vay tiền đề ngày 21/4/2020,Giấy vay tiền đề ngày 17/7/2020, Giấy vay tiền đề ngày 17/8/2020, Giấy vay tiền đề ngày 01/11/2020, Giấy vay tiền đề ngày 06/6/2022, Giấy vay tiền đề ngày 20/6/2022; Giấy vay tiền đề ngày 17/8/202… (không rõ năm), Giấy vay tiền đề ngày 17/…/2022 (không rõ tháng) và, Giấy cho vay tiền đề ngày 21/01/2020. Bà N khẳng định bà T chưa trả tiền nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày ngày 17/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Võ Thị Xuân T *trình bày:*

Bà T thừa nhận còn nợ của bà N số tiền 175.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng 8.925.000 đồng. Bà T đồng ý trả số nợ gốc 175.000.000 đồng cho bà N. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đến ngày 11/12/2023, bà Võ Thị Xuân T có ý kiến trình bày cho rằng vào ngày 25/5/2022 bà đã chuyển khoản trả cho bà Phạm Thị Châu N với số tiền 100.000.000 đồng nhưng vì bà không ra được nhà bà N và bà có nói bà N xé giấy nợ nhưng bà N không xé giấy đối với số nợ này. Hiện tại bà không có khả năng trả

lãi nên bà xin bà N trả dần tiền nợ gốc nhưng bà N không đồng ý chính vì vậy bà N mới có đơn yêu cầu khởi kiện bà.

Ngoài các ý kiến trên thì bị đơn bà Võ Thị Xuân T vắng mặt tại phiên tòa nên không trình bày gì thêm.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là bà T không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập; bà T không không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh ý kiến trình bày của mình.

- Về nội dung vụ án:

Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị Châu N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Xuân T phải trả lại tiền vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là bà Võ Thị Xuân T đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Xuân T thừa nhận có vay các khoản vay tổng cộng là 175.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 11/4/2021 số tiền 105.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 14/4/2021 số tiền 20.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 24/9/2021 số tiền 30.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 01/11/2021 số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Tuy nhiên, bà T cho rằng ngày 25/5/2022 chuyển khoản 100.000.000 đồng trả nợ cho bà N. Tại phiên tòa, bà N không thừa nhận nội dung này và xác định số tiền này là bà T trả cho khoản vay 230.000.000 đồng vay ngày 23/5/2022, cụ thể: ngày 25/5/2022, bà T chuyển khoản trả 100.000.000 đồng và ngày 26/5/2022, bà T chuyển khoản trả 100.000.000 đồng.

[2.2] Căn cứ Sao kê tài khoản số 0291000343287 của bà Phạm Thị Châu N – Chi nhánh thực hiện là Ngân hàng V – Chi nhánh G từ ngày 01-01-2022 đến ngày 30-6-2022 và tài liệu sao kê tài khoản do bà T nộp (bút lục số 46), có căn cứ xác định từ ngày 01-01-2022 đến ngày 30-6-2022, bà T đã chuyển tiền cho bà N 18 lần với số tiền từ 1.350.000 đồng đến số tiền 180.000.000 đồng, trong đó: Ngày 25/5/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 26/5/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 07/6/2023 chuyển 180.000.000 đồng, ngày 23/6/2022 chuyển 90.000.000 đồng và ngày 30/6/2022 chuyển 93.000.000 đồng. Nội dung chuyển tiền ngày 25/5/2022 không có nội dung trả nợ của khoản vay nào.

Ngoài ra, theo 09 Bản gốc tài liệu bà N nộp tại phiên tòa là giấy vay tiền giữa bà N và bà T có nội dung:

1/ Giấy vay tiền đề ngày 21/4/2020, số tiền vay 32.000.000 đồng.

2/ Giấy vay tiền đề ngày 17/7/2020, số tiền vay 50.000.000 đồng.

3/ Giấy vay tiền đề ngày 17/8/2020, số tiền vay 80.000.000 đồng.

4/ Giấy vay tiền đề ngày 01/11/2020, số tiền vay 90.000.000 đồng.

5/ Giấy vay tiền đề ngày 06/6/2022, số tiền vay 240.000.000 đồng.

6/ Giấy vay tiền đề ngày 20/6/2022, số tiền vay 60.000.000 đồng.

7/ Giấy vay tiền đề ngày 17/8/202… (không rõ năm) số tiền vay 70.000.000 đồng.

8/ Giấy vay tiền đề ngày 17/…/2022 (không rõ tháng), số tiền vay 100.000.000 đồng.

9/ Giấy Cho vay tiền ngày 21/01/2020, số tiền vay 70.000.000 đồng.

Các giấy vay tiền nêu trên đều có chữ ký và chữ viết họ và tên : "Võ Thị Xuân T" tại phần "Bên vay" hoặc "Người vay" và các giấy này có nội dung ghi bằng chữ "đã xong" hoặc có dấu gạch chéo trên toàn bộ nội dung giấy vay.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ý kiến trình bày của mình.

Căn cứ vào các tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định giữa bà N và bà T đã nhiều lần xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản và bà T cũng đã nhiều lần chuyển trả tiền cho bà N thông qua hình thức chuyển tiền qua tài khoản.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của bà T về việc chuyển chuyển khoản 100.000.000 đồng ngày 25/5/2022 là trả nợ cho bà N trong số tiền nợ tổng cộng 175.000.000 đồng.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay tiền giữa bà N và bà T được giao kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay.

Theo nội dung các giấy vay tiền:

- Giấy vay tiền đề ngày 11/04/2021, số tiền vay 105.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng,

- Giấy vay tiền đề ngày 24/9/2021 (giấy viết tay), số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 24/01/2022,

- Giấy vay tiền đề ngày 01/11/2021 (giấy viết tay), số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 01/01/2022.

- Giấy vay tiền ngày 14/4/2023, số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, ngày trả là ngày 24/4/2023.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ các khoản vay nêu trên nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, cần buộc bà T phải trả bà N số tiền là 175.000.000 đồng.

[2.4] Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung này.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà N được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, 2 và 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Châu N.

Buộc bà Võ Thị Xuân T phải trả cho bà Phạm Thị Châu N số tiền 175.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Xuân T phải chịu 8.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Châu N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.375.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí số: 000000720041 ngày 16/10/2023 ký bởi: C.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên